

Bản án số: 165/2023/HS-ST
Ngày 07-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Biên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Lý

Bà Trương Thị Hiền.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Văn Nhường, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Mã Thị Mộng, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 145/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Nông Đức Đ, sinh ngày 14 tháng 6 năm 1969 tại T, N, Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/10; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn D, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Long Thị T, sinh năm 1931 (đã chết); có vợ Nguyễn Thị N, sinh năm 1970 và 01 con sinh năm 1993; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 05-5-2022 bị công an huyện N, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản trái phép quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 47 nghị định 36/2020/NĐ-CP Phạt tiền 2.000.000đ (đã chấp hành xong); nhân thân: Ngày 20-8-2019, bị Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”; hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú; Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:

- Bà Lý Thị N1-Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; có mặt.

- Luật sư Hà Thị B-Văn phòng Luật sư Đinh Thị H-Đoàn Luật sư tỉnh C bào chữa theo yêu cầu bị cáo; có mặt.

Địa chỉ: Tổ I, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

Người làm chứng:

- Dương Văn M, sinh năm 2001;

Trú tại: K, T, B, Cao Bằng; vắng mặt.

- Hoàng Tôn K, sinh năm 2003;

Trú tại: Cốc T, Y, H, Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện kế hoạch kiểm tra các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép tại Thị trấn T, ngày 21/3/2023, tổ công tác của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện N đã phát hiện, bắt quả tang Nông Đức Đ, sinh năm 1969, trú tại tổ dân phố C, thị trấn T, huyện N; Dương Văn M, sinh năm 2001, trú tại K, T, B; Hoàng Tôn K, sinh năm 2003, trú tại C, Y, H, Cao Bằng đang có hành vi khai thác khoáng sản trái phép trong hang tại khu vực thuộc tổ dân phố A, thị trấn T, N. Vật chứng thu giữ gồm 02 bao tải bên trong chứa cả hạt dạng cát màu đen, nâu có tổng khối lượng 32kg. Cùng ngày, tổ công tác phối hợp với Công an huyện N tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở tại tổ dân phố C và lán của Đ tại tổ dân phố A, thị trấn T, N thì phát hiện và thu giữ 11 bao tải chứa các hạt màu nâu đen (thu 10 bao tại nhà ở; 01 bao tại lán), có tổng khối lượng là 243,6 kg. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trích 03 mẫu từ các vật chứng thu giữ ở 03 vị trí trên để gửi giám định. Tại kết luận giám định số 12/2023 ngày 11/5/2023 của Trung tâm phân tích và Kiểm định địa chất-Cục Đ2, kết luận: 03 mẫu gửi giám định là khoáng sản (là tinh quặng (đa kim) hàm lượng các nguyên tố Sn, W, TiO₂, Tl).

Mở rộng điều tra vụ án đã xác định được như sau:

Đầu tháng 3/2023, Dương Văn M và Hoàng Tôn K1 đến gặp Nông Đ1 Đại để xin việc làm tại khu trang trại chăn nuôi của Đ và được Đại đồng ý, thỏa thuận trả tiền công là 8.000.000 đồng/tháng. Sau khi M và K1 làm việc được khoảng 10 ngày, Đ nảy sinh ý định khai thác quặng còn sót lại tại - một hang cũ cách lớn của Đ khoảng 100m nên yêu cầu M và K1 cùng xuống hang để khai thác. Tại đó, Đ hướng dẫn, chỉ đạo cho M và K1 vị trí khai thác, cách rửa đất để thu tinh quặng. Ngày 21/3/2023, khi cả nhóm vừa khai thác xong và vác 02 bao tải quặng ra cửa hang thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ 01 do Ủy ban nhân dân thị trấn T quản lý thì bị tổ công tác phát hiện, bắt quả tang, Đ không xuất trình được giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan có thẩm quyền. Trước đó, ngày 05/5/2022, Nông Đức Đ đã bị Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “khai thác khoáng sản trái phép” theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 47, Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính Phủ, mức phạt tiền 2.000.000đ (Đ đã chấp hành xong Quyết định xử phạt). Tại biên bản làm việc ngày 28/6/2023 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh C khẳng định: Địa điểm các đối tượng Đ, K1, M khai thác khoáng sản nằm

ngoài ranh giới của 02 giấy phép tận thu khoáng sản đã cấp cho Công ty Cổ phần K2. Đối với tổng số 13 bao tải quặng đã thu giữ của Nông Đức Đ có tổng khối lượng là 275,6kg. Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 1828/KL- HĐĐGTS ngày 18/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Cao Bằng thì số vật chứng này có giá trị là 6.942.387 đồng.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các đối tượng và phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của bị cáo Nông Đức Đ đã bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ khởi tố về hành vi Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên.

Với hành vi trên, tại Bản cáo trạng số 99/CT-VKSCB-P1, ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Nông Đức Đ về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Nông Đức Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố là đúng, không có ý kiến gì thắc mắc.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy tố đối với bị cáo Nông Đức Đ về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Tội danh: Nông Đức Đ phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm s,i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt tù 06-09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự: Trả bị cáo số tài sản gồm 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 11X1-036.03, 01 điện thoại màn hình cảm ứng; Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước 13 (mười ba) bao tải niêm phong bên trong chứa quặng. Tịch thu tiêu hủy các công cụ phạm tội, gồm: 01 cuốc có cán bằng gỗ, lưỡi bằng sắt, cũ đã qua sử dụng; 01 xẻng có cán bằng gỗ, lưỡi bằng sắt, cũ đã qua sử dụng; 01 xô nhựa (cũ, nát đã qua sử dụng).

Án phí: Đề nghị miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bà Lý Thị N1 trình bày lời bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với cáo trạng truy tố bị cáo và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến tính chất mức độ,

hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, do thiếu hiểu biết, không công ăn việc làm, mục đích khai thác quặng để trang trải cuộc sống, số lượng quặng thu khối lượng là 275,6kg có giá trị là 6.942.387 đồng, chưa bán được quặng nên chưa được hưởng lợi; do nhân thân bị cáo đã 01 tiền sự về hành vi khai thác khoáng sản trái phép còn thời hiệu nên mới bị truy tố; không có tiền án, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh ra và lớn lên ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; đã có thời gian phục vụ quân ngũ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nhất trí như đại diện Viện Kiểm sát về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử bị cáo mức án thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị. Về vật chứng chiếc xe mô tô, điện thoại bị tạm giữ, nhất trí như Viện kiểm sát đề nghị. Về án phí: Bị cáo có đơn xin Miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Bà Hà Thị B trình bày lời bào chữa cho bị cáo: Nhất trí như lời bào chữa của bà Lý Thị N1, Luật sư Hà Thị B có lời bào chữa bổ sung, do nhận thức bị cáo hạn chế, xem xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thừa nhận hành vi phạm tội, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo sinh sống tại khu vực Tỉnh Túc có nhiều tài nguyên khoáng sản và người dân tự mở lối vào khai thác khoáng sản từ nhiều năm trước; về hoàn cảnh gia đình 02 vợ chồng hết tuổi lao động, bệnh tật, không có lương hưu; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; đề nghị xử bị cáo mức án thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo Nông Đức Đ nhất trí với lời bào chữa của Trợ giúp pháp lý và Luật sư bào chữa, không có lời bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Căn cứ vào Biên bản kiểm tra khai thác khoáng sản trái phép vào hồi 11 giờ 00 phút ngày 21/3/2023; Biên bản khám xét thu giữ vật chứng; Lời khai bị cáo, lời khai của các nhân chứng; Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ khẳng định:

Ngày 21/3/2023, Nông Đức Đ đã chỉ đạo các đối tượng Dương Văn M, Hoàng Tôn K1 sử dụng cuốc, xẻng đến khai thác quặng trái phép tại thửa đất số 17, tờ bản đồ 01 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng quản lý. Khi nhóm đối tượng vừa dừng việc khai thác, vác 02 bao tải quặng có tổng khối lượng 32kg ra cửa hang thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang. Tổng số 13 bao tải quặng đã thu giữ của Nông Đức Đ có khối lượng là 275,6 kg. Tại Kết luận định giá tài sản số 1828/KLHĐĐGTS ngày 18/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh Cao Bằng thì số vật chứng này có giá trị là 6.942.387 đồng. Do chưa kịp bán quặng này nên Đ chưa được hưởng lợi về tiền, Dương Văn M và Hoàng Tôn K1 chưa được Đ trả tiền công.

Xét bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi khai thác tài nguyên khoáng sản bị Nhà nước cấm song do háms lợi bị cáo vẫn cố tình thực hiện, bị cáo đã chuẩn bị kỹ từ thuê nhân công đến công cụ khai thác.

Xét thấy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, cố tình sử dụng đất sai mục đích, khai thác tài nguyên khi chưa được cấp có thẩm quyền cấp phép, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý về tài nguyên khoáng sản của Quốc gia, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên quốc gia, ảnh hưởng lớn đến môi trường sinh thái, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần có một mức án đủ tính giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân:

Ngày 20-8-2019, bị Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, đây là tình tiết định tội.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn ăns hối cải về

hành vi phạm tội; Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, đã có thời gian phục vụ Quân ngũ, được Bộ trợ cấp một lần theo Quyết định số 1101/QĐ-BTL ngày 04/6/2015; do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tình chất, mức độ hành vi phạm tội ít nghiêm trọng, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có khả năng tự cải tạo nên có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán nhân dân tối cao và Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo; Do vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, giám sát và giáo dục cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo có căn cứ tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo nên cần chấp nhận.

Xét ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo về hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 227 của Bộ luật Hình sự quy định: "...Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...".

Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nghề nghiệp là lao động tự do, thu nhập không ổn định, bị cáo chưa được hưởng lợi từ hành vi phạm tội, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Các vấn đề khác:

Trong vụ án này, đối tượng Dương Văn M và Hoàng Tôn K1 được khai thác quãng trái phép theo chỉ đạo của Nông Đức Đ. Nhưng M và K1 là người làm công theo hướng dẫn, chỉ đạo của người sử dụng lao động, chưa được hưởng lợi, cũng chưa từng có tiền án, tiền sự nên không đủ căn cứ để xem xét xử lý hình sự, Cơ quan điều tra đã đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định 36/2020 là có căn cứ.

[7] Về xử lý vật chứng:

Các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội thì tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách nhà nước, các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội thì trả lại cho bị cáo; vật chứng không có giá trị sử dụng thì tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí:

Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí và tại phiên tòa có đơn xin miễn án phí. Xét thấy yêu cầu của bị cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nông Đức Đ** phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*”.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Nông Đức Đ** 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 07/11/2023.

Giao bị cáo **Nông Đức Đ** cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

**Trả lại cho bị cáo số tài sản gồm:*

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 11X1-036.03, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE S (D), màu sơn: Trắng Đen, dung tích xi lanh: 109; Số máy: JC52E4260006, số khung: RLHJC5214CY416704, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất: 2012, xe cũ đã qua sử dụng (Yên xe có nhiều vết rách, vỏ xe nhiều vết xước cũ, không có chìa khóa xe). Kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 003257.

Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 07/8/2023 của Phòng CSGT Công an tỉnh C.

- 01 (một) điện thoại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A51, màu đen, số IMEI: 356161112663380/01 của Nông Đức Đ (điện thoại cũ đã qua sử dụng, màn hình có nhiều vết xước).

** Tịch thu đối với bị cáo số tài sản để hóa giá, sung quỹ nhà nước:*

- 13 (mười ba) bao tải niêm phong bên trong chứa quặng, cụ thể:

+ 01 (một) bao tải màu trắng được niêm phong theo quy định, bên trong chứa quặng.

+ 10 (mười) bao tải màu cam, đánh số từ 1 đến 10 được niêm phong theo quy định, bên trong có chứa quặng.

+ 02 (hai) bao tải màu trắng xanh được niêm phong theo quy định, bên trong có chứa quặng.

(Tổng số: 13 bao tải niêm phong, có biên bản niêm phong, kết luận giám định kèm theo).

**Tịch thu tiêu hủy các công cụ phạm tội, gồm:*

- 01 cuốc có cán bằng gỗ, lưỡi bằng sắt, cũ đã qua sử dụng;

- 01 xẻng có cán bằng gỗ, lưỡi bằng sắt, cũ đã qua sử dụng;

- 01 xô nhựa (cũ, nát đã qua sử dụng).

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 01 ngày 05 tháng 10 năm 2023.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và

Bị cáo được miễn án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nông Đức Đ có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Cục THA dân sự tỉnh Cao Bằng;
- CQĐT-CA tỉnh Cao Bằng (PC03);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh (PV06);
- P.THAHS-HTTP CA tỉnh Cao Bằng (PC10);
- Phòng KTNV&THA;
- Người TGTT.
- Lưu HS vụ án;
- Lưu tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nông Biên Hòa

